

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 15/2025/DSST

Ngày: 19-02-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Nguyễn Tấn Phát.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2024/TLST-DS ngày 02/10/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST-DS ngày 06/12/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 159/2024/QĐST-DS ngày 24/12/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 13/01/2025 và thông báo số 02/2025/TB-TA ngày 12/02/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ : B N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

* Bị đơn: Ông Huỳnh B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn T, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Diễm N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn T, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Vì chỗ bạn bè quen biết với nhau, ngày 17/5/2023 ông B cần tiền làm ăn nên ông T có cho ông B mượn số tiền 80.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất vay, ông B có viết giấy mượn tiền và hẹn từ ngày 17/5/2023 đến ngày 17/5/2024 trả nợ. Ngoài ra, ngày 20/6/2023 ông T tiếp tục cho ông B mượn số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, hai bên không thỏa thuận lãi suất vay và thỏa thuận bằng miệng là tuần sau tức ngày 28/6/2023, ông B trả nợ. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, ông B không trả nợ. Nhiều lần ông T yêu cầu ông B trả nợ nhưng ông B vẫn không trả nợ. Tính

đến nay, ông B còn nợ ông T tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng. Nay ông T khởi kiện và yêu cầu ông B phải trả số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Khi mượn tiền, ông B có giao cho ông T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 977663, thửa đất số 539, tờ bản đồ số 253-B tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00205, do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Huỳnh B và bà Trương Thị Diễm N vào ngày 30/01/2007. Nếu ông B trả nợ xong thì ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông B. Việc giữ giấy tờ này hai bên không lập biên bản giao nhận cũng như làm Hợp đồng bảo lãnh, thế chấp.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh B trình bày: Ông B thống nhất như lời trình bày của ông T, tuy nhiên sau khi mượn tiền, vì kinh tế điều kiện khó khăn, hiện ông B không có việc làm và nuôi hai đứa con đi học đại học nên chưa có tiền trả nợ cho ông T. Ông B đồng ý trả cho ông T tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng, không tính lãi suất và xin trả nợ dần hàng tháng 10.000.000 đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

Khi mượn tiền ông B có đưa cho ông T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông T trình bày. Tại phiên tòa, ông B yêu cầu ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vợ chồng ông B giao dịch Ngân hàng để vay tiền trả nợ sớm cho ông T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Diễm N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, buộc bị đơn ông B phải trả cho nguyên đơn ông T tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng. Nguyên đơn ông T phải trả lại cho bị đơn ông B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 977663, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00205, do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Huỳnh B và bà Trương Thị Diễm N vào ngày 30/01/2007. Về lãi, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn ông Huỳnh B có nơi cư trú tại thôn T, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Diễm N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về nợ gốc: Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông B trả số tiền 100.000.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp bản gốc giấy mượn tiền đề ngày 17/5/2023 do ông Huỳnh B ký xác nhận. Căn cứ vào giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có nội dung, ông B mượn ông T số tiền 80.000.000 đồng, hạn từ ngày 17/5/2023 đến ngày 17/5/2024 trả nợ, không ghi lãi. Ngoài ra, ngày 20/6/2023 ông B tiếp tục mượn ông T số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Bằng thừa N1 có mượn ông T tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng như nguyên đơn ông T trình bày nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng. Đến hạn trả nợ, bị đơn ông Bằng K thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn ông B phải trả cho nguyên đơn ông T tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời gian, phương thức trả nợ: Xét thấy, bị đơn ông B xin trả dần hàng tháng 10.000.000 đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên yêu cầu của bị đơn ông Bằng K được nguyên đơn ông Tín chấp N2 nên yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn ông B, HĐXX xét thấy: Khi mượn tiền, ông B có giao cho ông T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 977663, thửa đất số 539, tờ bản đồ số 253-B tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00205 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp cho ông Huỳnh B và bà Trương Thị Diễm N vào ngày 30/01/2007. Tuy nhiên, việc giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông T và ông B là không đúng quy định về giao dịch bảo đảm khi không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực và không đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 và Điều 298 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Theo quy định tại Điều 164, 166 Bộ luật dân sự, việc ông T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B và bà N là không đúng quy định pháp luật, cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông B, cần buộc ông T phải trả lại cho ông B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 977663, thửa đất số 539, tờ bản đồ số 253-B tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00205, do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Huỳnh B và bà Trương Thị Diễm N vào ngày 30/01/2007.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn ông B phải chịu 5.000.000 đồng (100.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn ông Huỳnh B phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/02/2025) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Huỳnh B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 977663, thửa đất số 539, tờ bản đồ số 253-B tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00205, do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Huỳnh B và bà Trương Thị Diễm N vào ngày 30/01/2007.

Về án phí : Bị đơn ông Huỳnh B phải chịu 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông T số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002775 ngày 02/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp . T;
- Chi cục THADS Tp . T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang